

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày: 06 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Hà Bửu Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:**
Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 9 năm 2024 và ngày 06 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 315/2024/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Dương Thanh Th, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp NA, xã NC, huyện GR, tỉnh KG

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc D (chết).

- **Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà D:**

1. Ông Nguyễn Thanh Ph, sinh năm 1975 (chồng bà D);

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 2004 (con bà D);

3. Nguyễn Thị Ngọc D2, sinh năm 2006 (con bà D).

Địa chỉ: Ấp VTN, xã NC, huyện GR, tỉnh KG

(Bà Th có mặt, ông Ph, chị D1, chị D2 vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

- Bà Dương Thanh Th nguyên đơn trình bày:

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, bà Th mở dây hui 5.000.000 đồng, 03 tháng mở hui một lần gồm có 20 hui viên tham gia, trong đó bà Nguyễn Thị Ngọc D

tham gia 01 chân, bà D là người lĩnh hội đầu tiên, bà D đã đóng hội chết tổng cộng là 11 lần thì ngưng, còn nợ lại 09 lần hội chết tổng cộng là 45.000.000 đồng.

Ngày 29 tháng 6 năm 2019, bà tiếp tục mở dây hội 5.000.000 đồng, 03 tháng mở hội một lần, có 19 hội viên, bà D tham gia 01 chân và cũng đã lĩnh hội. Sau khi lĩnh hội bà D còn phải đóng hội chết cho bà là 16 lần hội chết với số tiền là 80.000.000 đồng. Tổng cộng bà D phải đóng hội cho bà là 125.000.000 đồng. Mỗi lần hội viên lãnh hội bà đều yêu cầu hội viên viết cam kết đã nhận hội. Hai chân hội bà D lãnh đều cam kết viết tay gồm ngày rằm tháng 3 năm 2018 âm lịch và ngày 15 tháng 7 năm 2019 bà Nguyễn Thị Ngọc D và chồng Nguyễn Thanh Ph đã ký tên.

Hiện tại hai phần hội đã mãn, bà đã thực hiện nghĩa vụ cho các hội viên nhưng bà D chưa đóng hội cho bà đủ và bà đã nhiều lần gặp bà D yêu cầu đóng hội, bà D đóng được 5.000.000 đồng, thì ngưng cho đến nay. Nên bà khởi kiện yêu cầu bà D phải có trách nhiệm đóng số tiền nợ hội là 120.000.000 đồng. Trong quá trình chờ Tòa án giải quyết thì bà D chết nên bà yêu cầu người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà D gồm chồng là ông Nguyễn Thanh Ph và hai con là Nguyễn Thị Ngọc D1, Nguyễn Thị Ngọc D2 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà D.

- *Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Ngọc D bị đơn trình bày:* bà D xác định bà có tham gia hội do bà Th làm chủ cụ thể bà tham gia 02 chân hội bà đã lĩnh bao nhiêu bà không nhớ rõ. Bà Thủy yêu cầu tôi trả số tiền 120.000.000 đồng, tôi sẽ đối chiếu lại giấy hội bà Th đã giao cho tôi. Theo hai giấy cam kết bà Th cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký của bà và bà sẽ chịu trách nhiệm.

- Ông Nguyễn Thanh Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 đã được Toà án triệu tập tham gia phiên toà đến lần thứ hai, nhưng ông Ph, chị D1, chị D2 vắng mặt không vì lý do bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết chưa đảm bảo về thời hạn xét xử theo quy định tại của pháp luật.

Về nội D: Xét yêu cầu của nguyên đơn xét thấy tại bản tự khai của bà D xác định có tham gia hội như bà Th trình bày tuy nhiên chưa xác định được số tiền nợ

còn lại, nhưng theo hai tờ cam kết ngày rằm tháng 3 năm 2018 và ngày 15/7/2019 là phù hợp với lời trình bày của bà Th. Trong quá trình tố tụng bà D chết nên theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế của bà D gồm chồng, con, cha đẻ, mẹ đẻ. Hiện tại cha mẹ bà D đã chết chỉ còn chồng là ông Nguyễn Thanh Ph, con là Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 nên buộc ông Ph, và hai con chị D1, chị D2 thực hiện nghĩa vụ của bà D có trách nhiệm trả số tiền nợ hui chưa đóng cho bà Th là có căn cứ.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 4; khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện bà Dương Thanh Th khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D trả số tiền hui còn nợ. Trong quá trình tố tụng bà D đã chết. Tòa án tiến hành đưa chồng và con vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà D, cũng như bà D chồng và con và D cư trú tại ấp Ngọc An, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng hợp đồng góp hui, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tố tụng người kế thừa của bị đơn vắng mặt căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người kế thừa quyền nghĩa vụ của bị đơn.

[2] Về nội D vụ án: Nguyên đơn bà Dương Thanh Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả lại số tiền hui còn nợ là 120.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy theo hai tờ cam kết (bút lục 06; 07) bà Nguyễn Thị Ngọc D đã ký tên xác nhận lĩnh hui và phần hui còn lại phải đóng. Cũng như tại bản tự khai bà D thừa nhận có tham gia hui như bà Thủy trình bày tuy nhiên chưa chốt được số tiền còn phải đóng lại cho bà Th. Tòa án đã mời bà D để làm việc và hòa giải nhưng bà D vắng mặt không đến và cũng không đưa ra chứng cứ chứng minh phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, nên theo quy định tại *khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra*

được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Việc bà D vắng mặt suốt xem như bà D từ bỏ việc chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Qua yêu cầu và trình bày của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét việc bà Th thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chồng và con bà D phải có trách nhiệm trả số tiền nợ hui do trong quá trình chờ Tòa án giải quyết bà D đã chết. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình tố tụng bà D chết theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia”* thì bà D đang tham gia tố tụng chết nên cần đưa người thừa kế của bà D vào tham gia là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự 2015 *“Hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ con nuôi của người chết”*. Theo xác minh hiện tại cha mẹ đẻ của bà D đã chết trước bà D và bà D không có cha mẹ nuôi cũng như con nuôi. Hiện tại chỉ còn chồng là ông Nguyễn Thanh Ph, con là Nguyễn Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 nên buộc ông Ph, và hai con chị D1, chị D2 thực hiện nghĩa vụ thay bà D trả nợ theo yêu cầu của bà Th là có căn cứ.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Ph chị D1, chị D2 phải thực hiện nghĩa vụ thay bà D trả cho bà Th số tiền nợ hui là 120.000.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu, nhưng bà D chết nên ông Ph, chị D1, chị D2 phải nộp thay số tiền phải trả là 120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Bà Dương Thanh Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471; Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường.
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thanh Th. Buộc ông Nguyễn Thanh Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thay bà Nguyễn Thị Ngọc D trả cho bà Dương Thanh Th số tiền nợ hui là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Dương Thanh Th không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Thanh Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 phải chịu án phí là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Dương Thanh Th có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông Nguyễn Thanh Ph, chị Nguyễn Thị Ngọc D1, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

